

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh Đ, sinh năm 1975 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc Ch, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị H; có vợ là Trần Mỹ Th và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 15/10/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đàm D xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; ngày 21/01/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đàm D xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; ngày 13/8/2021 bị Trưởng Công an xã Ngọc Ch xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; đều đã chấp hành xong; bị tạm giam từ ngày 24/11/2021; có mặt.

2. Danh Văn L, sinh năm 1987 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc Ch, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Trần Kiều Tr và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 15/10/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đàm D xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; ngày 21/01/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đàm D xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; đều đã chấp hành xong; bị tạm giam từ ngày 24/11/2021; có mặt.

3. Trần Hữu Ph, sinh năm 1976 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Lê Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị Tr1 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Năm 1996 bị Ủy ban nhân dân xã Thanh T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản công dân; ngày 23/5/1998, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong; bị tạm giam từ ngày 24/11/2021; có mặt.

4. Trần Phi S, sinh năm 1988 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp Hiệp Hòa T, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị Ng; có vợ là Trần Thị Út M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 24/11/2021; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Danh Văn L:* Bà Trần Như Ng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu Ph:* Ông Võ Giang N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Phi S:* Ông Trần Hoàng H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Bùi Tấn Ng, sinh năm: 1980; Cư trú tại: Ấp Tân H, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Trần Mỹ Th, sinh năm 1977; Cư trú tại: Ấp Hiệp Hoà T, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; có mặt.

+ Chị Trần Thị Út M, sinh năm 1998; Cư trú tại: Ấp Hiệp Hoà T, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; có mặt.

+ Chị Trần Thị Kiều Tr, sinh năm 1986; Cư trú tại: Ấp Hiệp Hoà T, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Tr1, sinh năm 1978; Cư trú tại: Ấp Hiệp Hoà T, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 31/7/2017, các bị cáo Đ, L, Ph, S cùng nhau đi các ruộng tôm bắt ba khía. Khoảng 22 giờ, khi đến ruộng tôm anh Bùi Tấn Ng địa bàn ấp Tân H, xã Ngọc Ch thì tất cả đều phát hiện có nhiều sò huyết nên rủ nhau mò bắt trộm. Tất cả cùng trở về nhà chuẩn bị dụng cụ chứa sò, Đ chuẩn bị 02 túi bằng lưới và 01 cal nhựa 30 lít, Sơn chuẩn bị 02 túi bằng lưới, Ph và L mỗi người chuẩn bị 01 túi lưới và 01 bao dùm đựng gạo loại 25kg. Sau đó, tất cả cùng trở lại ruộng của anh Ng, để các dụng cụ một góc bờ ruộng, mỗi người mang theo 01 túi lưới và

xuống mò bắt sò, khi đạt số lượng nhất định sẽ đem lên đổ vào bao và túi lưới còn lại để trên bờ vuông, đồng thời tiếp tục mò bắt sò.

Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, thông qua camera lắp đặt ở bờ vuông, anh Ng phát hiện có người đang mò trộm sò nên đã gọi điện cho một số người dân ở địa phương đến giúp để vây bắt. Đến khoảng 1 giờ 30 phút ngày 01/8/2021, anh Ng cùng một số người dân truy hô và đuổi bắt thì Đ, L, Ph, S chạy thoát và bỏ lại các dụng cụ cũng như sò huyết đã bắt được. Thời điểm này, anh Ng cùng những người dân đuổi bắt đã phát hiện 05 túi lưới và 02 bao loại đựng gạo trọng lượng 25kg đều có sò huyết và 01 cái cal nhựa nên đã đem vào nhà đồng thời báo với chính quyền địa phương. Qua cân tổng trọng lượng sò được 97kg (loại 105 con/kg), sáng ngày 01/8/2021, anh Ng phát hiện thêm 01 túi bằng lưới có chứa sò ở bờ vuông, qua cân được tổng trọng lượng là 11kg (loại 114 con/kg).

Kết luận định giá: 97 kg sò huyết (loại 105 con/kg) = 9.215.000 đồng; 11kg sò huyết (loại 114 con/kg) = 946.000 đồng. Tổng giá trị là 10.161.000 đồng

Vật chứng thu giữ: 108kg sò huyết đã được anh Ng nhận lại; 01 USB hiệu Toshiba 4GB, lưu trữ đoạn video từ camera của anh Bùi Tấn Ng, đã đưa vào hồ sơ vụ án; 02 cái bao; 06 cái túi lưới; 01 cái cal nhựa, tất cả đều đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm D truy tố các bị cáo Đ, L, Ph, S về “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đ, L, Ph, S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ, L, S. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ph. Xử phạt bị cáo Đ, L, Ph, Sơn mức án từ 6 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Phân trách nhiệm dân sự bị cáo và bị hại đã thỏa thuận xong, việc thỏa thuận không trái quy định nên đề nghị chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 cái bao; 06 cái túi lưới; 01 cái cal nhựa, tất cả đều đã qua sử dụng, tất cả đều đã qua sử dụng.

- Bị cáo Đ, L, Ph, S thừa nhận hành vi phạm tội và không tranh luận với Kiểm sát viên. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo xác định gây ra mất mát thiệt hại nên thành thật xin lỗi gia đình bị hại, xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình, khắc phục hậu quả cho bị hại, đồng thời chăm lo cho vợ và các con còn nhỏ.

- Người bào chữa cho bị cáo L thống nhất tội danh truy tố bị cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vận động gia đình

nộp khắc phục hậu quả, phạm tội trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số và có trình độ học vấn thấp. Do đó, yêu cầu xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo bằng thời gian tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Ph thống nhất tội danh truy tố bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo, gia đình có công cách mạng, đã tác động khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo tuy chưa cao nhưng tạo điều kiện hợp tác cơ quan điều tra, thoả thuận được phần dân sự nên được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, yêu cầu xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo bằng thời gian tạm giam.

- Người bào chữa cho bị cáo S thống nhất tội danh truy tố bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình có công cách mạng, đã tác động khắc phục hậu quả, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thoả thuận được phần dân sự nên được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, yêu cầu xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử bị cáo bằng thời gian tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Những người bào chữa xác định đối với trách nhiệm dân sự các bị cáo và bị hại thoả thuận được với nhau nên yêu cầu ghi nhận.

- Bị hại đã nhận lại tài sản, yêu cầu bồi thường về tài sản bị mất trộm số tiền 10.161.000 đồng và 640.000.000 đồng do hành vi của các bị cáo gây ra dẫn đến ao sò bị chết. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo và bị hại thống nhất mỗi bị cáo bồi thường bị hại số tiền 20.000.000 đồng, riêng bị cáo Đ đã bồi thường 30.000.000 đồng thì không yêu cầu thêm. Đối với số tiền các bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án đồng ý bồi thường cho bị hại. Đồng thời yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Mỹ Th, chị Trần Thị Kiều Tr, chị Trần Thị Út M, chị Nguyễn Thị Tr1 xác định số tiền các chị nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi là khắc phục hậu quả thay cho các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Thực tế quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án qua đó chứng minh được: Trong đêm 31/7/2021, khuya ngày 01/8/2021, các bị cáo Đ, L, Ph, S đã thực hiện hành vi mò trộm sò trong ruộng tôm của anh Ng. Sau khi bị truy hô và đuổi bắt, các bị cáo đã bỏ lại các tang vật là các túi sò đã mò trộm được. Mặc dù các bị cáo không xác định và không thừa nhận số lượng sò đã mò trộm là 108 kg, nhưng tại chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi bỏ lại các tang vật, chính quyền địa phương, bị hại và những người dân chứng kiến có cân lại tổng trọng lượng sò là 97 kg sò, ước lượng 80 con/kg (BL 221) và số lượng 11kg, đếm được 114 con/kg (BL 214). Mặc dù số lượng 97 kg sò không được đếm số con nhưng sau đó đã được đếm lại là 105 con/kg, việc đếm lại so với ước lượng ban đầu chênh lệch theo hướng có lợi cho bị cáo và không ảnh hưởng đến hành vi cũng như mức hình phạt truy tố đối với các bị cáo.

Do đó, hành vi của các bị cáo Đ, L, Ph, S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét mức độ hành vi của các bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya, địa hình khó khăn, vắng vẻ, bị hại buông lỏng việc quản lý tài sản để lén lút chiếm hữu và định đoạt trái phép tài sản của người khác chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân. Bản thân các bị cáo đã đủ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức được việc làm sai trái nhưng vì bản tính muốn hưởng thụ tài sản người khác nên bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Tính chất vụ việc các bị cáo gây ra làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bởi vì mô hình nuôi sò huyết xen canh trong ruộng tôm quảng canh đang là tiềm lực kinh tế cần nhân rộng trên địa bàn huyện nhà. Nhưng chính vì hành vi trái pháp luật của các bị cáo đã gây ra tâm lý hoang mang và bất an trong dư luận, ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế của người dân.

[4] Mặt khác, tại Báo cáo tình hình liên quan vụ trộm cắp sò huyết của Công an xã Ngọc Ch xác định, các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên tụ tập ăn nhậu, quá trình sinh sống tại địa phương không chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sau khi mời làm việc về các đối tượng có lời lẽ khoe mẽ, thách thức người dân gây ra bức xúc, tiêu cực trong nhân dân (BL 231). Trong vụ án này các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc nhiệm vụ, không có sự câu kết chặt chẽ, do đó hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều cùng nhau chuẩn bị công cụ, cùng thực hiện hành vi mò trộm sò thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm ngang nhau về hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên, cả bị cáo L, Ph, S đều xác định khi phát hiện sò huyết trong khu vực ruộng tôm

của bị hại, chính Đ và L khởi xướng, đề xuất rủ Ph, S mò bắt trộm và bị cáo Ph, S đã đồng ý với lời đề nghị này. Các bị cáo Đ, L, Ph có nhân thân không tốt, trong đó bị cáo Đ là người có nhân thân không tốt nhiều hơn các bị cáo khác cụ thể các bị cáo nhiều lần bị vi phạm hành chính về nhiều hành vi khác nhau, bị cáo Ph có lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, thậm chí sau khi thực hiện hành vi trộm sò trong ruộng tôm anh Ng, bị cáo Đ tiếp tục có hành vi trộm cắp và bị Trưởng Công an xã Ngọc Ch xử phạt hành chính. Tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải không cao, các bị cáo còn quanh co, khai báo không trung thực. Vì vậy đối với bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra cao hơn bị cáo L, Ph, S và nhân thân của bị cáo L, Ph không tốt nên sẽ chịu trách nhiệm hành vi bị cáo gây ra cao hơn bị cáo S là hợp lý.

Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc các tình tiết này khi lượng hình đối với các bị cáo. Từ đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với hành vi vi phạm của các bị cáo để răn đe, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự cho các bị cáo như lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, đồng lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi sai trái, thành khẩn khai báo, các bị cáo đều có nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án huyện Đầm D và đều được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Ph có bác ruột là liệt sĩ, chú ruột có công cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo S có cha ruột có công cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và bác ruột là liệt sĩ, gia đình của bị cáo S cũng đang thờ cúng liệt sĩ. Bị cáo L, Ph, S là người dân tộc thiểu số, bị cáo Ph, L có trình độ học vấn thấp. Đối với bị cáo Đ, L, S phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ, L, S; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ph.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, tuy nhiên các bị cáo nhận thấy hành vi của mình sai trái nên đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả và bồi thường số tiền này cho bị hại để được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại sau khi mất trộm tài sản, mặc dù tài sản đã nhận lại xong nhưng sẽ có tâm lý lo sợ, bất an là thực tế có xảy ra nên cần ưu tiên trả số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại là hợp lý. Ngoài ra, tại tòa bị cáo L, Ph, S và bị hại thống nhất các bị cáo khắc phục cho bị hại thêm mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Đ đã khắc phục 30.000.000 đồng cho bị hại xong nên không đặt ra yêu cầu tiếp. Việc thỏa thuận này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 cái bao; 06 cái túi lưới; 01 cái cal nhựa các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại toà các bị cáo L, Ph, S yêu cầu được miễn do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho các bị cáo. Bị cáo Đ không thuộc trường hợp miễn nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Như phân tích ở trên, các bị cáo L, Ph, S được miễn án phí. Bị cáo Đ đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại xong nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Minh Đ, bị cáo Danh Văn L, bị cáo Trần Phi S.

Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Hữu Ph.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh Đ, Danh Văn L, Trần Hữu Ph, Trần Phi S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 8 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/11/2021.

- Xử phạt bị cáo Danh Văn L 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/11/2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu Ph 7 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/11/2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Phi S 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/11/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thoả thuận của các bị cáo bồi thường cho bị hại Bùi Tấn Ng cụ thể:

- Bị cáo Lê Minh Đ bồi thường 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Trần Mỹ Th đã nộp thay bị cáo Đ số tiền này tại biên lai thu số 0002665 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

- Bị cáo Danh Văn L bồi thường 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Chị Trần Thị Kiều Tr đã nộp thay bị cáo L số tiền 2.540.000 đồng tại biên lai thu số 0002666 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

- Bị cáo Trần Hữu Ph bồi thường 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Chị Nguyễn Thị Tr1 đã nộp thay bị cáo Ph số tiền 1.000.000 đồng này tại biên lai thu số 0002670 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

- Bị cáo Trần Phi S bồi thường 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Chị Trần Thị Út M đã nộp thay bị cáo S số tiền 2.540.000 đồng này tại biên lai thu số 0002667 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền bồi thường thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy một cái bao loại 25kg, màu hồng, trên bao có dòng chữ “Gạo đặc sản, một bụi đỏ, chất lượng đặc biệt”; một cái bao loại 25kg, màu vàng, trên bao có dòng chữ “Gạo đặc sản, chất lượng đặc biệt, thơm bát ngát”; ba cái túi lưới màu đỏ; một cái túi lưới màu xanh; hai cái túi lưới màu tím; một cái cal nhựa loại 30 lít, tất cả đều đã qua sử dụng

(Số vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 01 năm 2022).

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Minh Đ sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Danh Văn L, Trần Hữu Ph và Trần Phi S được miễn theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Minh Đương không phải chịu; Bị cáo Danh Văn L, Trần Hữu Ph và Trần Phi S được miễn theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Người bào chữa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đầm D;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Đầm D;
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Ch;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm D.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc